

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài Nguyên & Môi Trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2016/NQ-HĐND9 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 3 về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1035/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Cơ quan thu phí

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Đối tượng thu phí

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Trường hợp miễn thu phí

a) Trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp;

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp được cung cấp dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai;

c) Các trường hợp khai thác thông tin đất đai gồm: Danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; khung giá đất, bảng giá đất đã công bố; thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

4. Mức thu phí (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thu, nộp và quản lý sử dụng phí

1. Trường hợp bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường nhận hồ sơ yêu cầu khai thác và cung cấp thông tin đất đai thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu hộ phí và số tiền phí thu được chuyển toàn bộ vào cuối mỗi tuần cho Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh, để trang trải chi phí cho công tác khai thác và cung cấp thông tin đất đai.

2. Trường hợp các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện nhận hồ sơ yêu cầu khai thác và cung cấp thông tin đất đai thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố là cơ quan thu hộ phí và số tiền phí thu được chuyển toàn bộ vào cuối mỗi tuần cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, để trang trải chi phí cho công tác khai thác và cung cấp thông tin đất đai.

3. Trách nhiệm của cơ quan trực tiếp thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai theo quy định phải thông báo (hoặc niêm yết công khai mức thu tại trụ sở nơi thu phí). Khi thu phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

Cơ quan thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí được để lại.

Hàng năm, cơ quan thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

4. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là khoản thu ngân sách nhà nước. Cơ quan thu phí được trích lại 80% để trang trải chi phí cho công tác cung cấp thông tin đất đai, nộp 20% vào ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiền thu được từ việc cung cấp thông tin đất đai là nguồn thu ngân sách của đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn đó.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Đã Ký: Mai Hùng Dũng

Phụ lục
BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Khai thác thông tin đất đai thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản tại cơ quan có thẩm quyền cung cấp dữ liệu đất đai:		
1	Tra cứu thông tin	đồng/hồ sơ	50.000
2	Trích lục hồ sơ	đồng/hồ sơ	120.000
3	Trích sao hồ sơ	đồng/hồ sơ	150.000
4	Sao thông tin chiết xuất từ cơ sở dữ liệu đất đai vào thiết bị nhớ của máy tính	đồng/hồ sơ	250.000
5	Tổng hợp thông tin đất đai	đồng/hồ sơ	300.000
II	Khai thác thông tin đất đai qua mạng internet, cổng thông tin đất đai, dịch vụ tin nhắn SMS:		
1	Tra cứu thông tin	đồng/hồ sơ	40.000
2	Trích lục hồ sơ	đồng/hồ sơ	100.000
3	Trích sao hồ sơ	đồng/hồ sơ	140.000
4	Sao thông tin chiết xuất từ cơ sở dữ liệu đất đai vào thiết bị nhớ của máy tính	đồng/hồ sơ	250.000
5	Tổng hợp thông tin đất đai	đồng/hồ sơ	300.000

Ghi chú: Mức phí trên chưa bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu và chi phí gửi tài liệu. Các chi phí này được thanh toán theo thực tế phát sinh.